

Bản án số:12/2022/DS-ST  
Ngày 20-9-2022  
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản  
là tiền cho vay

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Định.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Thôn.

Bà Bùi Thu Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về “tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền cho vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 699/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 782/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X; địa chỉ: Số A đường C, phường C, quận N, Hải Phòng và anh Nguyễn Trung K; địa chỉ: Số B, ngõ N, phường T, quận H, Hải Phòng (bà X đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Trung K theo Hợp đồng ủy quyền số 11550/HĐUQ/2022 ngày 01/6/2022 công chứng tại Văn phòng Công chứng Đất Cảng). Có mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Thế N; địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện A, Hải Phòng. Vắng mặt không có lý do

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 5 năm 2021, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Đầu năm 2015, do có nhu cầu vay tiền để làm ăn nên anh N đặt vấn đề với

chị X và anh K để vay tiền. Do là anh chị em họ với nhau và thấy anh N cũng có công việc kinh doanh thuận lợi nên chị X và anh K đồng ý. Lúc đầu anh N dự định vay khoảng 03 tỷ, chị X và anh K mới chuyển được 717 triệu đồng thì thấy việc không ổn nên dừng lại không cho vay nữa. Việc vay nợ này không có biên bản tổng thể ban đầu do chị X và anh K chuyển tiền làm nhiều lần. Sau này chị X và anh K gặp anh N và yêu cầu chốt nợ. Anh N đã xác nhận nợ chị X và anh K số tiền 717 triệu tại Bản xác nhận nợ lập ngày 02/4/2015. Trong bản xác nhận nợ này ghi rõ từng ngày, từng lần chị X và anh K chuyển tiền cho anh N. Tiếp theo anh N tự tay viết giấy ngày 07/11/2016 nói rõ nợ chị X và anh K số tiền là 700 triệu đồng. Việc vay nợ này không có ai chứng kiến.

Nguyên đơn khẳng định đây là tiền cho anh N vay để theo lời anh N nói là để anh ấy làm ăn, không phải tiền góp vốn làm ăn chung. Lúc đầu chị X và anh K cũng có ý định góp vốn với anh N (dự kiến ký hợp đồng tháng 01/2015 để thi công cạp hút, vận chuyển và bơm tập kết cát tại khu sông Chanh, Quảng Ninh) nhưng thấy có vẻ bất ổn nên thôi, không ký kết hợp đồng làm ăn gì nữa. Giữa nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn không có bất kỳ văn bản hợp đồng nào với nhau về việc góp vốn kinh doanh hay mua bán tài sản chung gì cả. Thời điểm chị X và anh K chuyển số tiền 717 triệu cho anh N cũng không có bất kỳ hợp đồng góp vốn, hợp tác nào. Hơn nữa, bản thân anh N đã tự tay viết giấy xác nhận ngày 07/11/2016 nói rõ đây là tiền anh N vay nợ. Bản cam kết ngày 12/01/2015 chỉ thể hiện số tiền dự kiến giao cho nhau, không phải là hợp đồng vay vốn, không phải là hợp đồng hợp tác kinh doanh, góp vốn.

Từ năm 2016 đến nay nguyên đơn đã yêu cầu rất nhiều lần nhưng anh N chây ỳ không trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thế N phải trả số tiền vay nợ là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Anh N cũng phải trả tiền lãi là 7%/năm kể từ ngày 01/01/2017 cho đến khi Tòa án huyện An Lão giải quyết xong vụ việc.

- *Tại các biên bản làm việc ngày 09/8/2022 bị đơn là anh Nguyễn Xuân Nguyên trình bày:*

Ông N đã nhận được toàn bộ các văn bản của Tòa án nhưng không đến làm việc vì không thích. Về nội dung vụ việc: Khoảng năm 2014 - 2015, Ông N, bà X và anh K có hùn vốn với nhau để làm máy thiết bị bơm hút cát tại Thanh Hóa. Ông N có cầm số tiền từ 200 đến 300 triệu đồng. Sau do làm ăn không thành nên dự án bị hủy bỏ. Nguyên đơn có cho người đến đòi tiền, bị đơn đã trả số tiền khoảng 300 triệu cho những người đó. Việc nhận tiền, trả tiền đều có văn bản nhưng do thời gian đã lâu nên không còn nữa

- *Tại phiên tòa:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, nguyên đơn là đúng với quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 166, 280, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều

147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay là 700 triệu đồng và tiền lãi theo quy định. Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong vụ án này, bị đơn là cá nhân sinh sống tại huyện An Lão, Hải Phòng; nội dung thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là vay tiền, có giấy xác nhận nợ; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi lại số tiền cho vay nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền cho vay” thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo khoản 2 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sự việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn diễn ra từ năm 2015, năm 2016 nguyên đơn nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn không trả nợ. Đây là vụ việc tranh chấp về tài sản, yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án đã được tổng đạt cho bị đơn đúng theo quy định nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện giao nộp tài liệu chứng cứ đầy đủ. Bị đơn không giao nộp bất cứ tài liệu chứng cứ gì. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết.

- Về nội dung tranh chấp:

[1] Về số tiền vay: Quá trình giải quyết vụ án đã xác định được: Vào đầu năm 2015, nguyên đơn đã cho bị đơn vay tổng số tiền là 700 triệu đồng. Việc chuyển tiền được thực hiện nhiều lần và có Bản xác nhận nợ lập ngày 02/4/2015 và giấy ngày 07/11/2016 xác nhận số nợ và phương án trả nợ. Tài liệu trong hồ sơ cũng thể hiện đây không phải là tiền các bên góp vốn làm ăn với nhau; trong số tiền 700 triệu này đều là tiền nợ gốc, không có khoản nào là tiền lãi. Trên thực tế giữa các bên không tồn tại bất cứ hợp đồng góp vốn hay hợp tác kinh doanh nào. Bị đơn có thừa nhận đã cầm của nguyên đơn một số tiền 300 triệu đồng là tiền góp vốn làm ăn, sau này đã trả nhưng ngoài lời khai thì không có bất cứ tài liệu nào chứng minh. Từ năm 2016 đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu trả số tiền 700 triệu đồng là có cơ sở.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thế N phải trả số tiền là 700 triệu đồng

[2] Về số tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi là 7%/năm (tính ra là 0,58%/tháng) kể từ ngày 01/01/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong (tổng cộng là 68 tháng) = 276.080.000 đồng.

Xét việc vay tiền giữa các bên được xác lập trước ngày 01/01/2017, có cam kết về thời hạn trả nợ (trong vòng 05 tháng kể từ 07/11/2016) nhưng không có thỏa thuận về lãi suất. Vì vậy, đây là loại hợp đồng đang được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 7%/năm kể từ tháng 01/2017 là phù hợp với mức lãi suất theo khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 quy định "Trường hợp các bên không có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 (20%) - tức là 10%/năm". Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất là 7%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính từ tháng 01/2017 đến ngày xét xử 20/9/2022 là 276.080.000 đồng.

-Về án phí:

[8] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 144; Điều 147; Điều 184, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166; Điều 280; Điều 357; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trung K**

Buộc ông Nguyễn Thế N phải trả cho chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trung K số tiền là 976.080.000đ (chín trăm bảy mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng ) trong đó số tiền nợ gốc là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), số tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến khi xét xử là 276.080.000đ (Hai trăm bảy mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu ông Nguyễn Thế N chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong.

## 2. Về án phí:

Trả lại cho chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trung K số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001220 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão ngày 13 tháng 5 năm 2022.

Ông Nguyễn Thế N phải nộp 41.282.000đ (Bốn mươi một triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trung K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thế N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện An Lão;
- Chi cục THA DS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Định**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Định**

